

Bản án số: 669/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 12 - 2023

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông H Bửu Khánh

Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên toà.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 515/2023/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 360/2023/QĐXX-HNGĐST, ngày 02 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Thu H, sinh năm 2000 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố KL, thị trấn GR, huyện GR, tỉnh KG

- *Bị đơn:* Anh Âu Quang Đ, sinh năm 1998 (Có mặt).

Địa chỉ: KP 7, thị trấn GR, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn chị Trương Thị Thu H trình bày: Chị H và anh Âu Quang Đ do được mai mối tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang ngày 19/4/2019. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn đến đầu năm 2023, thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhau liên tục, mất dần tình cảm hạnh phúc gia đình. Nguyên nhân, mâu thuẫn do anh Đ đã thay đổi tính tình, sinh tật ăn chơi và có người phụ nữ khác bên ngoài. Khi biết sự việc chị rất buồn, nhưng vì thương con chị cố gắng cam chịu, khuyên nhủ và cho anh cơ hội hy vọng anh Đ thay đổi, nhưng anh Đ không thay đổi mà ngược lại càng ngày mối quan hệ với người phụ nữ khác một cách công khai nhiều hơn trước nên chị và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Nay chị xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với anh Đ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân yêu cầu được ly hôn với anh Âu Quang Đ. Nếu trường hợp Tòa án không chấp nhận cho chị được ly hôn với anh Đ chị cũng kiên quyết không chung sống vợ chồng với anh Đ.

Về con chung: Chị H xác Đ có một người con chung Âu Trương H M, sinh ngày 15/3/2019, hiện con đang sống cùng với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Âu Quang Đ trình bày: Anh Đ xác nhận lời trình bày của chị H về hôn nhân; con chung; tài sản chung là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn chị H cho rằng anh có người phụ nữ khác bên ngoài là không đúng, anh chỉ nhắn tin trên facebook nói chuyện đùa vui với bạn chứ anh không có ý Đ gì. Trong khi anh đi làm việc chị H không hề quan tâm điện thoại hỏi thăm đến anh. Anh xét thấy giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng phải dẫn đến ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Nay chị H kiên quyết ly hôn anh không có biện pháp gì đưa ra để Hn gắng tình cảm nhưng thực tế anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Đ xác Đ có một người con chung Âu Trương H M, sinh ngày 15/3/2019, hiện con đang sống cùng chị H. Nếu trường hợp Tòa án xử cho anh và chị H ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh Đ xác Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trường Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa anh Âu Quang Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Về con chung anh Đ đồng ý giao con chung Âu Trương H M, sinh ngày 15/3/2019, cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng với điều kiện chị H không được ngăn cản việc anh chở con về nH bên nội.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến Hnh thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy Đ tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh Âu Quang Đ với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Khu phố 7, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo quy Đ tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa chị Trương Thị Thu H với anh Âu Quang Đ là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang ngày 19/4/2019, theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy Đ tại Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên xác Đ không thể Hn gắn và thống nhất thuận tình ly hôn, nên Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của chị H và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài chị H yêu cầu ly hôn anh Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H là có căn cứ và phù hợp theo Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình cho chị H và anh Đ được thuận tình ly hôn.

[3]. Về con chung: Chị H anh Đ xác có với một người con chung Âu Trương H M, sinh ngày 15/3/2019, chị H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị H anh Đ, giao cháu Âu Trương H M, sinh ngày 15/3/2019, cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, nợ chung: Chị H anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân là 300.000 đồng, nhưng do chị H, anh Đ thuận tình ly hôn nên chị H, anh Đ mỗi người phải chịu 50% mức án phí ly hôn là 150.000 đồng. Nhưng chị H tự nguyện chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 3000.000 đồng theo biên lai đã nộp tại Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Giồng Riềng, chị H không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 55; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Thu H và anh Âu Quang Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Âu Trương H M, sinh ngày 15/3/2019, cho chị Trương Thị Thu H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Âu Quang Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H không có yêu cầu nên không xem xét.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui Đ về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng do chị H, anh Đ thuận tình ly hôn nên chị H, anh Đ mỗi người phải chịu 50% mức án phí ly hôn là 150.000 đồng, chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 3000.000 đồng theo biên lai theo biên lai thu tiền số 0002030 ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Chi cục thi Hình án dân sự huyện Giồng Riềng, chị H không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Thu H , anh Âu Quang Đ có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tuyên án (ngày 04/12/2023).

Trường hợp bản án, quyết Đ được thi Hình theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi Hình án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

